TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2020
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

2/- Ông Lương Văn Cẩu

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 01năm 2020 về "*Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bạch T, sinh năm: 1983 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm Trú: Tổ B, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng T1, sinh năm: 1983 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 31/12/2019 nguyên đơn chị Lê Thị Bạch T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T1 chung sống với nhau vào năm 2004, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc không lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi bới chị bằng con nầy con nọ, ngoài ra còn lôi cha mẹ chị ra chửi và nhiều lần lấy dao rượt đuổi chém chị, đốt đồ đạc của chị.. chị cũng cho anh T1 nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng không

được; Do chịu đựng không nổi nên đầu năm 2018 chị cùng 3 con về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Trong thời gian 1 năm nay anh T1 không hề điện thoại hoặc đến thăm. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Đăng T1.

Về con chung: Chị và anh T1có 3 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 31/01/2004; Nguyễn Thị Ngọc N1 sinh ngày 19/7/2006 và Nguyễn Thị Ngọc M sinh ngày 15/3/2013, các con hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị xin nuôi hết 3 con không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đăng T1: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Bạch T, cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đăng T1; Chị Tphải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Bạch T là nguyên đơn trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Đăng T1 là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị Bạch T và anh Nguyễn Đăng T1.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bạch T và anh Nguyễn Đăng T1 kết hôn với nhau vào năm 2004 hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc không lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhâu mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh T1 thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi bới chị bằng con nầy con nọ, ngoài ra còn lôi cha mẹ chị ra chửi và nhiều lần lấy dao rượt đuổi chém chị, đốt đồ đạc của chị.. chị cũng cho anh T1 nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng không được, đến đầu năm 2018 chị cùng 3 con về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Về phía anh T1 qua hai lần mời hòa giải tại tòa anh đều vắng mặt, cán bộ tòa án có đến tận nhà để ghi lời khai nhưng anh T1 đều không có mặt tại nhà nên cũng không ghi được

lời khai. Xét thấy, thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, suốt thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn quan hệ tình cảm, xét thấy khả năng hàn gắn là không có, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị và anh T1 có 3 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N sinh ngày 31/01/2004; Nguyễn Thị Ngọc N1, sinh ngày 19/7/2006 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 15/3/2013, từ khi ly thân đến nay cả 3 cháu đều sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T xin nuôi hết 3 con; Tại văn bản ngày 25/3/2020 cả 3 cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó nghĩ nên để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng 3 con chung là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Lê Thị Bạch T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Bạch T.

Chị Lê Thị Bạch T được ly hôn với anh Nguyễn Đăng T1. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70/BH ngày 18/5/2007 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Lê Thị Bạch T được tiếp tục nuôi dưỡng 3 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N sinh ngày 31/01/2004; Nguyễn Thị Ngọc N1 sinh ngày 19/7/2006 và Nguyễn Thị Ngọc M sinh ngày 15/3/2013. Anh Nguyễn Đăng T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền tới lui thăm con chung cho anh T1.

- Về án phí: Chị Lê Thị Bạch T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006647 ngày 06/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Chị Lê Thị Bạch T và anh Nguyễn Đăng T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Kim Hoa